

Bản án số: **05/2025/HNGĐ-PT**

Ngày: 23/01/2025

V/v: “*Cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn, tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào
Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn, tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2024/HNGD-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thúy V**; địa chỉ: **Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trịnh Quang T**, địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung: Luật sư **Trần Thị Ly L - Công ty L2**, địa chỉ: **1 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trịnh Quang Đ**, địa chỉ: **Đ, thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

2. Chị **Trịnh Hoàng Ngọc Á**, chị **Trịnh Hoàng Ngọc C**; địa chỉ: **Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

3. Ông **Hoàng Xuân K**, bà **Phạm Thị L1**, địa chỉ: **Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Thúc S**, bà **Hoàng Thị T1**; địa chỉ: **Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

5. **Ngân hàng N**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đình H**, chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện G**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hoàng Thúy V** trình bày:

Chị **Hoàng Thúy V** và anh **Trịnh Quang T** kết hôn năm 2004, đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2021/HNGĐ-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Quyết định của bản án tuyên xử về quan hệ hôn nhân cho chị **V** được ly hôn với anh **T**; về con chung giao cháu **Trịnh Hoàng Ngọc Á** sinh ngày 01/6/2004, cháu **Trịnh Hoàng Ngọc C** sinh ngày 22/4/2007 và cháu **Trịnh Hoàng Ngọc A** sinh ngày 05/01/2017 cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị **V** khởi kiện yêu cầu:

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do cháu **Ngọc Á** đã thành niên nên chị **V** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng, mà chỉ yêu cầu anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi **Trịnh Hoàng Ngọc C** sinh ngày 22/4/2007 và **Trịnh Hoàng Ngọc A** sinh ngày 05/01/2017 hàng tháng mỗi tháng cho mỗi con 2.500.000 đồng cho đến khi các con thành niên.

- Về tài sản chung:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 863m², thửa đất số 35/1, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: **xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** đã được **UBND huyện G** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AE 862550 ngày 03/01/2008 cho hộ ông **Trịnh Quang T** và bà **Hoàng Thị Thúy V**, được cấp đổi lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 094959 ngày 27/10/2022.

Nguyện vọng của chị **V**: Do thửa đất này bố chị **V** tặng cho các con của chị **V** nên chia đều cho 4 thành viên của gia đình gồm anh **T**, chị **V**, cháu **Ngọc Á** và cháu **Ngọc C**. Chị **V** xin được nhận quyền sử dụng đất và giao lại giá trị quyền sử dụng đất cho các thành viên.

+ Đối với ý kiến phản tố của anh **T** yêu cầu chia tài sản là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 114, tờ bản đồ số 29, diện tích 452m² (đất ở

200m2, đất HNK 252m2), địa chỉ **Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** theo Giấy CNQSDĐ số Đ654511 (cấp đổi ngày 18/10/2013).

Nguyên vọng của chị **V**: Là tài sản chung vợ chồng nhưng anh **T** không có công tôn tạo nên chia 2 phần, chị **V** được nhận 60% giá trị còn anh **T** nhận 40% giá trị, chị **V** xin nhận ngôi nhà làm nơi ở của chị và các con, chị có nghĩa vụ trả lại phần giá trị cho anh **T** được chia.

- Về nợ chung: Chị **V** vay **Ngân hàng N** theo Hợp đồng tín dụng số 3905-LLAV-20210.2149 ngày 21/6/2021 số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc để trang trải cuộc sống gia đình, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh **T** và chị **V** mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi kèm theo.

Tại Đơn phản tố và trình bày ý kiến ngày 18/2/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh **Trịnh Quang T** trình bày:

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh **T** không được ủy quyền về yêu cầu này nên người đại diện cho anh **T** không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung:

+ Đối với quyền sử dụng đất diện tích 863m2, thửa đất số 35/1, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: **xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**: Thửa đất này anh **T** và chị **V** nhận chuyển nhượng từ ông **Hoàng Xuân K** có hợp đồng chuyển nhượng, không phải tài sản tặng cho nên là tài sản chung vợ chồng anh **T**, do tại thời điểm đó mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho “Hộ”.

+ Nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 114, tờ bản đồ số 29, diện tích 452m2 (ODT 200m2, đất HNK 252m2), tại **khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** theo Giấy CNQSDĐ số Đ654511 (cấp đổi ngày 18/10/2013). Nhà đất này anh **T** đi lao động xuất khẩu gửi tiền về chị **V** mua nên xác định là tài sản chung.

Nguyên vọng anh **T**: Tài sản chia đôi cho anh **T** và chị **V**, anh **T** đồng ý giao phần diện tích đất gắn với ngôi nhà tại **Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** để mẹ con chị **V** ở, anh xin được nhận phần đất trống còn lại có diện tích 211,3m2 và nhận quyền sử dụng đất diện tích 863m2 tại **xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**, vì tính giá trị phần giao cho chị **V** tương đương phần giá trị giao cho anh **T**. Anh **T** có nghĩa vụ giao lại phần chênh lệch chia tài sản cho chị **V**.

- Về nợ: Khoản nợ chị **V** yêu cầu của cá nhân chị **V**, chị **V** vay sau khi nộp đơn ly hôn với anh **T**, khoản vay này anh **T** không biết nên anh **T** không đồng ý, chị **V** cho rằng chị trang trải cho đời sống gia đình vì anh **T** không gửi tiền về cùng chị nuôi con là không đúng, vì theo các chứng cứ thu thập từ ngân hàng, anh **T** chuyển qua tài khoản cho chị **V** số tiền tổng cộng hơn 2 tỷ đồng, khi chị **V** ly hôn anh **T** mới không chuyển vào tài khoản của chị **V** nữa, mà anh **T** chuyển vào tài khoản cho con để cháu ăn học.

- Giữ nguyên yêu cầu phản tố:

+ Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐSDDBS ngày 18/6/2021 giữa bên

nhận thế chấp ngân hàng NN&PTNT, bên thế chấp bà **Hoàng Thúy V**;

+ Tuyên bố vô hiệu Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-202102149 ngày 21/6/2021 giữa bên cho vay: **Ngân hàng N1**, bên vay bà **Hoàng Thúy V**.

Bởi giấy ủy quyền của anh **T** đã hết thời hạn nhưng Ngân hàng vẫn ký sửa đổi bổ sung cho chị **V** tiếp tục thế chấp tài sản thế chấp, việc ký hợp đồng thế chấp này khi chưa được sự đồng ý của anh **T** là vi phạm điều cấm của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh **T** xin rút một phần yêu cầu phản tố:

+ Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1971108645/HĐTC ngày 13/9/2016 giữa bên nhận thế chấp là **Ngân hàng N** với bên thế chấp bà **Hoàng Thúy V**;

+ Không yêu cầu chia tài sản chung: 01 xe SH BKS 741- 16798 mang tên **Hoàng Thúy V**; **Bộ B2**; Bộ bàn ghế ăn; Tủ vi và giàn loa; Tủ lạnh; Tủ để ti vi; 02 tủ đựng quần áo; 01 cái giường; những cây cảnh và chậu; bình nóng lạnh; bếp từ; nồi cơm điện nhãn hiệu Cuccu; máy lọc nước; giếng khoan máy bơm nước; máy điều hoà; tủ trang điểm; bộ bàn ghế đá và máy tính xách tay.

+ Không yêu cầu ông **Nguyễn Thúc S** và bà **Hoàng Thị T1** trả số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 04/4/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Hoàng Xuân K** trình bày:

Năm 2004, anh **T** kết hôn với con gái ông là **Hoàng Thúy V**. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại **khu phố I, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Năm 2008 ông **K** đã xin cho anh **T** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản với kinh phí 250 triệu, ông **K** đã cầm cố 02 ngôi nhà và vườn cho **Ngân hàng N** để anh **T** đi xuất khẩu lao động. Năm 2009, do khủng hoảng kinh tế nên phía Nhật Bản đã đơn phương xoá hợp đồng và đã hoàn trả toàn bộ kinh phí và đã trả cho ngân hàng

Năm 2011, anh **T** đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, ông **K** đã cho vợ chồng anh **T** 07 sào ruộng (3600m²) và 862m² đất vườn, anh **T** đã bán ruộng và đã cầm sổ lên Ngân hàng vay cùng sự hỗ trợ của chị **V** vay mượn thêm ngoài mới đủ điều kiện xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Năm 2013, hai vợ chồng anh **T** chị **V** mua nhà riêng ở **khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** và sau đó sinh thêm cháu gái thứ 3. Sau khi sinh con thì hai vợ chồng có dấu hiệu bất hoà. Năm 2021, hai vợ chồng anh **T** chị **V** đã ly hôn.

Về vấn đề tài sản: Việc ông **K** cho anh **T** 3600m² ruộng, 862m² đất vườn và ở để làm ăn. Mảnh đất đó nằm trong khuôn viên gia đình ông **K**, anh **T**

không canh tác, trồng trọt và ông K phải thường xuyên trồng cây cối để tránh bị hoang hoá.

Tại phiên tòa, ông K cho rằng thừa đất ông cho anh T, chị V và các cháu ngoại của ông, nên đồng ý chia theo 4 phần như chị V trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Trịnh Hoàng Ngọc Á** và cháu **Trịnh Hoàng Ngọc C** trình bày: Thừa đất tại xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị do ông ngoại cho nên có phần của các cháu và có nguyện vọng giống chị V trình bày.

Tại Bản tự khai ngày 13/4/2022, các văn bản trình bày ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng N** trình bày:

Bà V có vay vốn, thế chấp tại **A1 Chi nhánh huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Tổng số tiền bà V còn nợ tại **A1 Chi nhánh huyện G** đến ngày 13/4/2022: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; Nợ lãi: 9.657.124 đồng (lãi vay trong hạn).

Theo Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-202102149 ngày 21/6/2021: người

đứng tên vay là bà **Hoàng Thúy V**, số tiền vay 300.000.000 đồng, mục đích: sửa chữa nhà ở, lãi suất vay trong hạn 10.5%, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 21/6/2021 đến ngày 21/6/2023.

Bảo đảm nghĩa vụ trả nợ: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197108645/HĐTC ngày 13/9/2016, được **UBND thị trấn G** chứng thực ngày 14/9/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh **Văn phòng đất đai huyện G** ngày 14/9/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐSĐBS ngày 18/6/2021, được **UBND thị trấn G** chứng thực ngày 21/6/2021.

Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 425m², giá trị tài sản là 400.000.000 đồng theo Giấy CNQSDĐ số Đ 654511, vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ số H- 00905/QSDĐ/531/QĐ-UB; thửa đất số 114, tờ bản đồ số 29; do **UBND huyện G** cấp ngày 3/4/2006. Ngày 18/10/2013 bà **Hoàng Thúy V**, sinh năm 1981, CMND 197108645 cấp ngày 16/5/2013 tại **Công an Q**, thường trú tại **Khu phố I, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 452m² đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được **UBND thị trấn G** chứng thực ngày 08/10/2013.

Giấy uỷ quyền sử dụng đất ngày 20/6/2016: bên uỷ quyền là ông **Trịnh Quang T**, bên được uỷ quyền là bà **Hoàng Thúy V**; nội dung uỷ quyền: Vì điều kiện công tác xa nay tôi uỷ quyền cho vợ tôi là **Hoàng Thúy V** toàn quyền sử dụng mảnh đất tại số thửa 114, tờ bản đồ 29, diện tích 452m² vào các mục đích: ở, trồng trọt và thế chấp ngân hàng vay vốn; cam kết: hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin uỷ quyền ở trên, mọi tranh chấp phát sinh giữa bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền sẽ do hai bên tự giác giải quyết; được **Ủy ban nhân dân thị trấn G** chứng thực ngày 21/6/2016.

Ông Nguyễn Thúc S, bà Hoàng Thị T1 không có ý kiến và không tham gia tố tụng.

Tại Chứng thư thẩm định giá ngày 20/3/2024 thể hiện các tài sản có giá trị như sau:

Quyền sử dụng đất diện tích 452m² tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 29, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có giá: 1.505.879.000 đồng; trong đó giá trị 200m² đất ở: 720.000.000đồng; 252m² đất HNK giá trị 545.192.865đồng. Nhà chính và công trình phụ kèm theo có giá: 240.687.000 đồng (làm tròn), bao gồm:

- + Nhà ở: 202.024.935 đồng;
- + Mái che: 7.657.800 đồng;
- + Tường rào: 31.004.568 đồng

Diện tích đất 856,7m² tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 5, thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị có giá: 496.934.000 đồng, trong đó giá trị 100m² đất ở: 110.000.000 đồng; 511.345m² đất HNK giá trị 386.934.383đồng.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2024/HNGD-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thúy V.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trịnh Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trịnh Hoàng Ngọc C, sinh ngày 22/4/2007 và Trịnh Hoàng Ngọc A, sinh ngày 05/01/2017 hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thúy V, chấp nhận yêu cầu phân tố của anh Trịnh Quang T.

2.1. Giao cho chị Hoàng Thúy V quyền sử dụng đất diện tích 240,7m² (100m² đất ở; 140,7m² đất HNK) và sở hữu tài sản trên đất gồm ngôi nhà, mái che 27m², phần tường rào bao quanh phần diện tích đất được giao cho chị V của thửa đất số 114 tờ bản đồ số 29 (nay thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 23) đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do UBND huyện G cấp ngày 03/4/2006 mang tên Hoàng Thúy V tại Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có vị trí: Cạnh phía Tây giáp đường khu vực 9,35m; cạnh phía Đông giáp thửa 130 dài 8,21m; cạnh phía Nam (giáp thửa đất giao cho anh T) 6,23 + 3,20 + 11,83 + 6,14m và cạnh phía Bắc giáp thửa 119 dài 27,42m.

(Thửa đất giao cho chị Hoàng Thúy V có vị trí được chú thích “phần thứ nhất” theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G).

Buộc chị Hoàng Thúy V có nghĩa vụ tháo dỡ mái che có diện tích 16,5m² lấn sang phần không gian giao cho anh T (có cạnh phía Bắc giáp thửa đất

giao cho chị **V** 11,83m, cạnh phía Tây 1,39m, cạnh phía Đông 1,39m và cạnh phía Nam 11,89m).

2.2. Giao cho anh **Trịnh Quang T** quyền sử dụng đất diện tích 211,3m² (100m² đất ở; 111,3m² đất HNK) và sở hữu tài sản trên đất là phần tường rào bao quanh phần diện tích đất được giao cho anh **T** của thửa đất số 114 tờ bản đồ số 29 (nay thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 23) đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do UBND huyện **G** cấp ngày 03/4/2006 mang tên **Hoàng Thúy V** tại khu phố **E**, thị trấn **G**, huyện **G**, tỉnh **Quảng Trị**. Có vị trí: Cạnh phía Tây giáp đường khu vực 8,68m; cạnh phía Đông giáp thửa 130 dài 6,71m; cạnh phía Nam giáp thửa 137 dài 26,94m + 0,56m; cạnh phía Bắc (giáp thửa đất giao cho chị **V**) 6,23 + 3,20 + 11,83 + 6,14m.

(Thửa đất giao cho anh **Trịnh Quang T** có vị trí được chú thích “phần thứ hai” theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện **G**).

2.3. Giao cho anh **Trịnh Quang T** quyền sử dụng đất diện tích 856,7m² (100m² đất ở, 756,7m² đất HNK) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 05 tại thôn **H**, xã **G**, huyện **G**, tỉnh **Quảng Trị** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 094959 ngày 27/10/2022.

Buộc ông **Hoàng Xuân K**, bà **Phạm Thị L1** tháo dỡ tài sản, cây cối trên đất để giao lại quyền sử dụng đất cho anh **Trịnh Quang T**.

2.4. Nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản: Buộc anh **Trịnh Quang T** có nghĩa vụ giao số tiền 113.275.000 (một trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng cho chị **Hoàng Thúy V**.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh **Trịnh Quang T** và chị **Hoàng Thúy V** có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện **G**).

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc chị **Hoàng Thúy V** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng **N** chi nhánh huyện **G** số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-202102149 ngày 21/6/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/5/2024) chị **Hoàng Thúy V** còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh **Trịnh Quang T**:

+ Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐSDDBS ngày 18/6/2021 giữa: bên nhận thế chấp Ngân hàng **N** với bên nhận thế chấp **Hoàng Thúy V**.

+ Tuyên bố vô hiệu Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-202102149 ngày 21/6/2021 giữa bên cho vay **Ngân hàng N** với bên vay **Hoàng Thúy V**.

6. Buộc **Ngân hàng N chi nhánh huyện G** có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do **UBND huyện G** cấp ngày 03/4/2006 đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 mang tên **Hoàng Thúy V** cho anh **Trịnh Quang T** và chị **Hoàng Thúy V**.

7. Đình chỉ phần yêu cầu của anh **Trịnh Quang T** về: Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1971108645/HĐTC ngày 13/9/2016 giữa bên nhận thế chấp là **Ngân hàng N** với bên thế chấp bà **Hoàng Thúy V**; chia tài sản gồm: 01 xe SH BKS 741- 16798 mang tên **Hoàng Thúy V**; Bộ B2; Bộ bàn ghế ăn; Ti vi và giàn loa; Tủ lạnh; Tủ để ti vi; 02 tủ đựng quần áo; 01 cái giường; Những cây cảnh và chậu; B nóng lạnh; Bếp từ; Nồi cơm điện nhãn hiệu Cuccu; Máy lọc nước; Giếng khoan máy bơm nước; Máy điều hoà; Tủ trang điểm; **Bộ B3**; Máy tính xách tay và buộc ông **Nguyễn Thúc S** và bà **Hoàng Thị T1** trả số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024 Chị **Hoàng Thúy V** kháng cáo không chấp nhận quyết định của án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị **Hoàng Thúy V** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của chị **Hoàng Thúy V**; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Án sơ thẩm buộc anh **Trịnh Quang T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con **Trịnh Hoàng Ngọc C**, sinh ngày 22/4/2007 và **Trịnh Hoàng Ngọc A**, sinh ngày 05/01/2017 hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động là phù hợp tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024) của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số vấn đề về giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình “...mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú...”, mức lương tối thiểu vùng quy định tại **huyện G** là 3.250.000 đồng, nhưng để đảm bảo cuộc sống cho các cháu, buộc bị đơn cấp dưỡng 4.000.000 đ/1 tháng/2 cháu là phù hợp.

[2] Xác định tài sản chung của chị **V**, anh **T**:

[2.1] Quyền sử dụng đất diện tích 452m² (200m² đất ở; 200m² đất HNK) tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị có nguồn gốc chị Hoàng Thúy V nhận chuyển nhượng từ ông Dương Đức B1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/10/2013, đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do UBND huyện G cấp ngày 03/4/2006, thửa đất chị V nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, chị V thừa nhận tiền do anh T gửi về, xác định tài sản chung. Giá trị nhà 240.687.000 đồng; đất 1.265.192.000 đồng, tổng 1.505.879.000 đồng.

[2.2] Quyền sử dụng đất diện tích 863m² tại xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị có nguồn gốc anh Trịnh Quang T và chị Hoàng Thúy V nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Xuân K đã được cấp Giấy CNQSD đất số AE 862550 ngày 03/01/2008 mang tên chủ hộ Trịnh Quang T và vợ Hoàng Thúy V được cấp đổi lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 094959 ngày 27/10/2022. Thửa đất này ông K cho rằng ông tặng cho con gái là chị V nhưng căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chính quyền địa phương chứng thực ngày 07/11/2007, không thể hiện nội dung tặng cho, do đó không có căn cứ xác định quyền sử dụng đất này do ông K tặng cho, mà xác định do anh T, chị V nhận chuyển nhượng. Chị V cho rằng thửa đất được cấp cho hộ gia đình trong đó có phần của Trịnh Hoàng Ngọc Á và Trịnh Hoàng Ngọc C là không có căn cứ, mà chỉ xác định tài sản chung của anh T, chị V. Giá trị thửa đất 496.934.000 đồng.

[3] Về nợ chung:

Ngày 21/6/2021, chị Hoàng Thúy V vay Ngân hàng N Chi nhánh huyện G số tiền 300.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà ở.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì ngôi nhà làm từ năm 2007, tường rào cổng làm từ năm 2014, không phát sinh thêm phần cải tạo sửa chữa nhà ở. Mặt khác ngày 08/6/2021, chị V đã làm đơn khởi kiện ly hôn anh T đã nộp cho Tòa án ngày 11/6/2021, như vậy mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã phát sinh. Anh T đã chứng minh vẫn gửi tiền về cho chị V nuôi con đầy đủ. Do đó, việc chị V tự đứng ra ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 21/6/2021 sau khi chị V gửi đơn xin ly hôn với anh T và việc chị V sử dụng số tiền đã vay vào mục đích để sửa chữa nhà ở nhưng chị V không chứng minh được. Theo Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng: “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình”.

[4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thúy V và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[5] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Hoàng Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 219 và Điều 563 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 33; khoản 2 Điều 82; khoản 2 khoản 3 Điều 59, Điều 110, Điều 116, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác kháng cáo của chị **Hoàng Thúy V** và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2024/HNGD-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hoàng Thúy V**.

Về cấp dưỡng: Buộc anh **Trịnh Quang T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con **Trịnh Hoàng Ngọc C**, sinh ngày 22/4/2007 và **Trịnh Hoàng Ngọc A**, sinh ngày 05/01/2017 hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thúy V**, chấp nhận yêu cầu phản tố của anh **Trịnh Quang T**.

2.1. Giao cho chị **Hoàng Thúy V** quyền sử dụng đất diện tích 240,7m² (100m² đất ở; 140,7m² đất HNK) và sở hữu tài sản trên đất gồm ngôi nhà, mái che 27m², phần tường rào bao quanh phần diện tích đất được giao cho chị **V** của thửa đất số 114 tờ bản đồ số 29 (nay thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 23) đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do **UBND huyện G** cấp ngày 03/4/2006 mang tên **Hoàng Thúy V** tại **Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Có vị trí: Cạnh phía Tây giáp đường khu vực 9,35m; cạnh phía Đông giáp thửa 130 dài 8,21m; cạnh phía Nam (giáp thửa đất giao cho anh **T**) 6,23 + 3,20 + 11,83 + 6,14m và cạnh phía Bắc giáp thửa 119 dài 27,42m.

(Thửa đất giao cho chị **Hoàng Thúy V** có vị trí được chú thích “phần thứ nhất” theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/12/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện G**).

Buộc chị **Hoàng Thúy V** có nghĩa vụ tháo dỡ mái che có diện tích 16,5m² lấn sang phần không gian giao cho anh **T** (có cạnh phía Bắc giáp thửa đất giao cho chị **V** 11,83m, cạnh phía Tây 1,39m, cạnh phía Đông 1,39m và cạnh phía Nam 11,89m).

2.2. Giao cho anh **Trịnh Quang T** quyền sử dụng đất diện tích 211,3m² (100m² đất ở; 111,3m² đất HNK) và sở hữu tài sản trên đất là phần tường rào bao quanh phần diện tích đất được giao cho anh **T** của thửa đất số 114

tờ bản đồ số 29 (nay thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 23) đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do UBND huyện G cấp ngày 03/4/2006 mang tên Hoàng Thúy V tại khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có vị trí: Cạnh phía Tây giáp đường khu vực 8,68m; cạnh phía Đông giáp thửa 130 dài 6,71m; cạnh phía Nam giáp thửa 137 dài 26,94m+ 0,56m; cạnh phía Bắc (giáp thửa đất giao cho chị V) 6,23 + 3,20 + 11,83 + 6,14m.

(Thửa đất giao cho anh Trịnh Quang T có vị trí được chú thích “phần thứ hai” theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G).

2.3. Giao cho anh Trịnh Quang T quyền sử dụng đất diện tích 856,7m² (100m² đất ở, 756,7m² đất HNK) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 05 tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 094959 ngày 27/10/2022.

Buộc ông Hoàng Xuân K, bà Phạm Thị L1 tháo dỡ tài sản, cây cối trên đất để giao lại quyền sử dụng đất cho anh Trịnh Quang T.

2.4. Nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản: Buộc anh Trịnh Quang T có nghĩa vụ giao số tiền 113.275.000 (một trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng cho chị Hoàng Thúy V.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trịnh Quang T và chị Hoàng Thúy V có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G).

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc chị Hoàng Thúy V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện G số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-202102149 ngày 21/6/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/5/2024) chị Hoàng Thúy V còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trịnh Quang T:

+ Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐSDBS ngày 18/6/2021 giữa: bên nhận thế chấp Ngân hàng N với bên nhận thế chấp Hoàng Thúy V.

+ Tuyên bố vô hiệu Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-202102149 ngày 21/6/2021 giữa bên cho vay Ngân hàng N với bên vay Hoàng Thúy V.

6. Buộc Ngân hàng N chi nhánh huyện G có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 654511 do UBND huyện G cấp ngày 03/4/2006 đã được chỉnh lý trang 4 ngày 18/10/2013 mang tên Hoàng Thúy V cho anh Trịnh Quang T và chị Hoàng Thúy V.

7. Về án phí: Chị Hoàng Thúy V phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp 0000116 ngày 11/7/2024 tại Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Trị, chị V đã nộp xong.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường